
UNIT 7. NATURAL WONDERS OF THE WORLD

TEST 01

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

Question 1: A. paradise B. destination C. risk D. majestic

Đáp án: A

Giải thích:

A. paradise /'pær.ə.daɪs/

B. destination /,des.tɪ'nei.ʃən/

C. risk /rɪsk/

D. majestic /mə'dʒes.tɪk/

Question 2: A. together B. agency C. imagine D. geological

Đáp án: A

Giải thích:

A. together /tə'geð.ər/

B. agency /'eɪ.dʒən.si/

C. imagine /ɪ'mædʒ.ɪn/

D. geological /,dʒiː.ə'lɒdʒ.ɪ.kəl/

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

Question 3: A. carry B. flora C. possess D. fauna

Đáp án: C

Giải thích:

A. carry /'kær.i/ (trọng âm âm tiết 1)

B. flora /'flɔː.rə/ (trọng âm âm tiết 1)

C. possess /pə'zes/ (trọng âm âm tiết 2)

D. fauna /'fɔː.nə/ (trọng âm âm tiết 1)

Question 4: A. encourage B. discovery C. diversity D. recognize

Đáp án: D

Giải thích:

A. encourage /ɪn'kʌr.ɪdʒ/ (trọng âm âm tiết 2)

B. discovery /dɪ'skʌv.ər.i/ (trọng âm âm tiết 2)

C. diversity /daɪ'vɜː.sə.ti/ (trọng âm âm tiết 2)

D. recognize /'rek.əg.naɪz/ (trọng âm âm tiết 1)

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 5: I'm sure you will be amazed by _____ of the Atacama Desert.

A. Landscape

B. land

C. backdrop

D. territory

Đáp án: A

Giải thích: "Landscape" (cảnh quan) phù hợp để mô tả vẻ đẹp của sa mạc Atacama. Các từ khác không hợp nghĩa.

Dịch: Tôi chắc bạn sẽ kinh ngạc trước cảnh quan của sa mạc Atacama.

Question 6: Can all of you _____ improving our new ideas for Literature Club?

A. Conserve

B. suggest

C. explore

D. discover

Đáp án: B

Giải thích: "Suggest" (gợi ý) phù hợp với ngữ cảnh đề xuất cải thiện ý tưởng cho câu lạc bộ văn học.

Dịch: Tất cả các bạn có thể gợi ý cải thiện các ý tưởng mới cho Câu lạc bộ Văn học không?

Question 7: The new government has made a positive _____ to the overall success of the environmental project.

A. Contributing

B. contribution

C. contributor

D. contribute

Đáp án: B

Giải thích: "Contribution" (sự đóng góp) là danh từ phù hợp sau "a positive".

Dịch: Chính phủ mới đã có sự đóng góp tích cực cho thành công tổng thể của dự án môi trường.

Question 8: Victoria Falls _____ over 5,600 feet and drop up to 354 feet into the Zambezi River gorge below.

A. Threat

B. reach

C. stretch

D. mention

Đáp án: C

Giải thích: "Stretch" (kéo dài) phù hợp để mô tả chiều dài của thác Victoria Falls.

Dịch: Thác Victoria kéo dài hơn 5,600 feet và rơi xuống 354 feet vào hẻm sông Zambezi bên dưới.

Question 9: Lilly wondered _____ the Harbor of Rio de Janeiro was one of the natural wonders.

A. Where

B. whether

C. what

D. when

Đáp án: B

Giải thích: "Wondered whether" (tự hỏi liệu) phù hợp với câu hỏi gián tiếp về việc có phải là kỳ quan tự nhiên không.

Dịch: Lilly tự hỏi liệu Cảng Rio de Janeiro có phải là một trong những kỳ quan tự nhiên không.

Question 10: Kevin wanted to know _____ the largest island of Korea.

A. Whether Jeju Island was

C. was Jeju Island

B. If Jeju Island is

D. if it is Jeju Island

Đáp án: A

Giải thích: "Wanted to know whether... was" phù hợp với câu hỏi gián tiếp về việc Jeju có phải đảo lớn nhất

Hàn Quốc không.

Dịch: Kevin muốn biết liệu đảo Jeju có phải là đảo lớn nhất Hàn Quốc không.

Question 11: Cat Ba National Park _____ a wide range of underwater and inland biosystem.

- A. Established **B. possesses** C. explore D. owes

Đáp án: B

Giải thích: “Possesses” (sở hữu) phù hợp để mô tả công viên quốc gia có hệ sinh thái đa dạng.

Dịch: Công viên Quốc gia Cát Bà sở hữu một loạt hệ sinh thái dưới nước và trên cạn.

Question 12: A: Can I borrow your book on the Galapagos Islands?

B: “ _____ ”

- A. Certainly. You can't. C. Yes. Why don't you?
B. Never. I forget. **D. Sure. Here you are.**

Đáp án: D

Giải thích: “Sure. Here you are.” (Chắc chắn rồi. Đây.) là phản hồi lịch sự để cho mượn sách.

Dịch:

A: Tôi có thể mượn sách về Quần đảo Galapagos của bạn không?

B: Chắc chắn rồi. Đây.

Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 13 to 16.

DISCOVER THE PYRAMIDS OF GIZA!

The Pyramids of Giza are one of the Seven Wonders of the Ancient World. Located (13) _____ Egypt, these incredible pyramids have stood for thousands of years and are a symbol of ancient engineering.

What you'll see:

- Great Pyramid: The largest of the pyramids, built as a tomb for a pharaoh.
- Ancient Sphinx: A giant statue with the body of (14) _____ lion and the head of a king.
- Desert scenery: Experience the beautiful desert landscape around the pyramids.

Visit the Pyramids of Giza and step back in time to (15) _____ one of the world's (16) _____ ancient wonders!

Question 13: A. at **B. in** C. on D. over

Đáp án: B

Giải thích: Giới từ “in” dùng với tên quốc gia (Egypt).

Dịch: Nằm ở Ai Cập...

Question 14: **A. a** B. an C. the D. X

Đáp án: A

Giải thích: “Lion” bắt đầu bằng phụ âm /l/, nên dùng “a”.

Dich: ...thân của một con sư tử...

Question 15: A. visit

B. visiting

C. visited

D. visits

Đáp án: A

Giải thích: Cấu trúc “to V” sau “step back in time” diễn tả mục đích (để thăm).

Dịch: ...bước về quá khứ để thăm một trong những kỳ quan cổ đại nhất thế giới!

Question 16: A. most great

B. great

C. greatest

D. greater

Đáp án: C

Giải thích: “Greatest” (tuyệt vời nhất) là dạng siêu cấp, phù hợp với “one of the world’s _____ ancient wonders”.

Dịch: ...một trong những kỳ quan cổ đại tuyệt vời nhất thế giới!

Tam dịch bài đọc

KHÁM PHÁ KIM TỬ THÁP GIZA!

Kim tự tháp Giza là một trong Bảy Kỳ quan Cổ đại của Thế giới. Nằm ở Ai Cập, những kim tự tháp tuyệt vời này đã đứng vững hàng ngàn năm và là biểu tượng của kỹ thuật cổ đại.

Những gì bạn sẽ thấy:

- *Kim tự tháp Lớn: Kim tự tháp lớn nhất, được xây làm lăng mộ cho pharaoh.*
- *Nhân sư Cổ đại: Tượng khổng lồ với thân một con sư tử và đầu vua.*
- *Cảnh sa mạc: Trải nghiệm cảnh quan sa mạc đẹp xung quanh kim tự tháp.
Hãy thăm Kim tự tháp Giza và bước về quá khứ để thăm một trong những kỳ quan cổ đại tuyệt vời nhất thế giới!*

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions 17.

- a. Next, the trip will include visits to the Grand Canyon, the Great Barrier Reef, Mount Everest, and Victoria Falls.
- b. Then, we will start our adventure on July 1st, and it will last for two weeks. Our itinerary includes guided tours and free time for personal exploration
- c. First, we are planning a trip to see some amazing natural wonders around the world.
- d. Additionally, this trip will be a fantastic chance to see natural wonders and take wonderful photos.
- A. a-b-c-d
- B. c-b-a-d
- C. c-a-b-d
- D. c-a-b-d

Đáp án: C

Giải thích :

c: Thì hiện tại tiếp diễn “are planning” diễn tả kế hoạch tương lai. “First” chỉ ý mở đầu.

b: Thì tương lai đơn “will start” và hiện tại đơn “includes” diễn tả kế hoạch. “Then” chỉ ý tiếp theo.

a: Thì tương lai đơn “will include” diễn tả kế hoạch. “Next” chỉ ý tiếp theo.

d: Thì tương lai đơn “will be” diễn tả lợi ích. “Additionally” bổ sung ý.

Dịch: Đầu tiên, chúng tôi đang lập kế hoạch một chuyến đi để xem một số kỳ quan tự nhiên tuyệt vời trên thế giới. Sau đó, chúng tôi sẽ bắt đầu cuộc phiêu lưu vào ngày 1 tháng 7, và nó sẽ kéo dài hai tuần. Lịch trình bao gồm tour hướng dẫn và thời gian tự do khám phá. Tiếp theo, chuyến đi sẽ bao gồm thăm Grand Canyon, Great Barrier Reef, Mount Everest và Victoria Falls. Ngoài ra, chuyến đi này sẽ là cơ hội tuyệt vời để xem kỳ quan tự nhiên và chụp ảnh đẹp.

Question 18. Choose the sentence that most appropriately ends the text (in question 17)

- A. Finally, to join us, please sign up by June 15th. We hope you can come and enjoy these incredible places!
 B. Finally, it only costs you 200\$ to join.
 C. Last but not least, you won't never regret joining with us.
 D. Last but not least, if you pay 200\$ you can never forget the memorable trip.

Đáp án: A

Giải thích: Câu A tổng kết tích cực, kêu gọi hành động, phù hợp làm câu kết thúc đoạn văn về chuyến đi Ha Long Bay. Các câu khác có lỗi ngữ pháp hoặc không hợp ngữ cảnh.

Dịch: Cuối cùng, để tham gia cùng chúng tôi, hãy đăng ký cho tới 15 tháng 6. Chúng tôi mong bạn có thể tham gia và thưởng thức những khung cảnh tuyệt vời.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each numbered blank from 19 to 24.

Ha Long Bay is a UNESCO World Heritage Site and popular travel (19) _____ in Quang Ninh Province, Vietnam. The bay features thousands of limestone karsts and isles in (20) _____ shapes and sizes. Ha Long Bay is a center of a larger zone which (21) _____ Bai Tu Long Bay to the northeast, and Cat Ba Island to the southwest.

Ha Long Bay has an area of around 1,553km², including 1,960 - 2,000 islets, most of (22) _____ are limestone. The core of the bay has an area of 334km² with a high density of 775 islets. The limestone in this bay has gone through 500 million years of (23) _____ in different conditions and environments. The evolution of the karst in this bay has taken 20 million years (24) _____ the impact of the tropical wet climate.

Question 19: A. situation B. destination C. direction D. ground

Đáp án: B

Giải thích: “Destination” (điểm đến) phù hợp với ngữ cảnh du lịch của Vịnh Ha Long.

Dịch: ...điểm đến du lịch phổ biến ở tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Question 20: A. various B. complex C. exciting D. original

Đáp án: A

Giải thích: “Various” (đa dạng) phù hợp để mô tả hình dạng và kích thước của các hòn đảo.

Dịch: ...các hòn đảo với hình dạng và kích thước đa dạng.

Question 21: A. offers B. includes C. consists D. covers

Đáp án: B

Giải thích: “Includes” (bao gồm) phù hợp để mô tả khu vực lớn hơn bao gồm Vịnh Bái Tử Long và đảo Cát

Bà.

Dịch: ...khu vực lớn hơn bao gồm Vịnh Bái Tử Long...

Question 22: A. them B. those C. which D. whom

Đáp án: C

Giải thích: Đại từ quan hệ “which” thay cho “islets” (các hòn đảo).

Dịch: ...hầu hết trong số đó là đá vôi.

Question 23: A. formation B. foundation C. establishment D. contribution

Đáp án: A

Giải thích: “Formation” (hình thành) phù hợp với quá trình địa chất của đá vôi.

Dịch: ...trải qua 500 triệu năm hình thành...

Question 24: A. in B. of C. for D. under

Đáp án: D

Giải thích: “Under the impact” (dưới tác động) phù hợp với ảnh hưởng của khí hậu.

Dịch: ...dưới tác động của khí hậu ẩm ướt nhiệt đới.

Tạm dịch bài đọc

Vịnh Hạ Long là Di sản Thế giới UNESCO và điểm đến du lịch phổ biến ở tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam. Vịnh có hàng ngàn karsts đá vôi và hòn đảo với hình dạng và kích thước đa dạng. Vịnh Hạ Long là trung tâm của một khu vực lớn hơn bao gồm Vịnh Bái Tử Long ở phía đông bắc, và đảo Cát Bà ở phía tây nam. Vịnh Hạ Long có diện tích khoảng 1.553 km², bao gồm 1.960 - 2.000 hòn đảo, hầu hết trong số đó là đá vôi. Phần trung tâm của vịnh có diện tích 334 km² với mật độ cao 775 hòn đảo. Đá vôi ở vịnh này đã trải qua 500 triệu năm hình thành trong các điều kiện và môi trường khác nhau. Sự tiến hóa của karst ở vịnh này đã mất 20 triệu năm dưới tác động của khí hậu ẩm ướt nhiệt đới.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

Question 25: The best time to visit Trang An is from February to April when the weather is nice and rice fields are green.

- A. Visiting Trang An in February is the best because the weather is very nice.
- B. From February to April, many people visit Trang An to take photos of green rice fields.
- C. Those who visit Trang An between February and April can enjoy nice weather and rice fields ready for harvest.
- D. Visitors should visit Trang An between February and April to enjoy nice weather and green rice fields.

Đáp án: D

Giải thích: Câu gốc nhấn mạnh thời gian tốt nhất để thăm Trang An. “Visitors should visit...” diễn tả lời khuyên tương đương.

Dịch: Du khách nên thăm Trang An từ tháng 2 đến tháng 4 để tận hưởng thời tiết đẹp và cánh đồng lúa xanh.

Question 26: By exploring the caves in Trang An, scientists discovered human activities more than 30,000 years ago.

- A. Scientists occupied the caves in Trang An to explore humans of more than 30,000 years I ago.

B. Scientists' exploration of the caves reveals that there were human activities in Trang An more than 30,000 years ago.

C. By exploring the caves, humans lived in Trang An more than 30,000 years ago.

D. More than 30,000 years ago, ancient scientists discovered some caves in Trang An where humans lived.

Đáp án: B

Giải thích: “By exploring...” tương đương với “Scientists' exploration... reveals...”. Câu B diễn tả việc khám phá hang động tiết lộ hoạt động con người hơn 30,000 năm trước.

Dịch: Việc khám phá hang động của các nhà khoa học tiết lộ rằng có hoạt động con người ở Trang An hơn 30,000 năm trước.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

Question 27: *you/ have/ passport/ you/ now/?*

A. “Are you having your passport with you now?”

B. “Do you have your passport with you now?”

C. “You have a passport for you now?”

D. “Can you have a passport with you now?”

Đáp án: B

Giải thích: Câu hỏi hiện tại đơn “Do you have...” phù hợp để hỏi về việc sở hữu hiện tại (có passport bên mình không).

Dịch: “Bạn có passport bên mình bây giờ không?”

Question 28: *hilltop/ get/ good/ view/ our village/.*

A. The hilltop can make our village views better.

B. On the hilltop, our village can be viewed very well.

C. From the hilltop, we can get a better view of our village

D. From the hilltop, our village can get a better view.

Đáp án: C

Giải thích: “From the hilltop” (từ đỉnh đồi) và “get a better view” (có tầm nhìn tốt hơn) đúng ngữ pháp và nghĩa.

Dịch: Từ đỉnh đồi, chúng tôi có thể có tầm nhìn tốt hơn về làng của mình.

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 29: Look at the sign.

IT Course

IT course starts 1st Nov at IT center for beginners. Covers hardware, software, networking, and security. Experienced instructors. Get certificate. Register by 25th Oct on website or at IT center.

- A. The IT course starts on 1st October.
- B. The IT course covers hardware, software, networking and security.
- C. The IT course is for advanced learners.
- D. The IT course does not provide a certificate.

Đáp án: B

Giải thích: Biển báo về khóa học IT liệt kê nội dung “Covers hardware, software...” nên đáp án B phù hợp nhất.

Dịch: Khóa học IT bao gồm phần cứng, phần mềm, mạng và bảo mật.

Question 30: Look at the signs. Choose the best answer for the question.



- A. You can't park your car here because this area is for fire trucks.
- B. If there is a fire, park your vehicle in this area.
- C. This area prevents your cars from fire.
- D. You can't park your car here when it is on fire.

Đáp án: A

Giải thích: Biển báo “Fire Lane - No Parking” cấm đỗ xe để dành cho xe cứu hỏa.

Dịch: Bạn không thể đỗ xe ở đây vì khu vực này dành cho xe cứu hỏa.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 31 to 36.

The Gobi Desert

The Gobi Desert is located in both Northern China and Southern Mongolia, covering a total area of 1.29 million km². The name “Gobi” in Mongolia means “a waterless place”. The **annual** rainfall is about 18 cm. Gobi has rapid temperature changes, both seasonally and daily. Summer months bring temperatures of up to 50 °C whilst in the winter months, temperature can drop to below - 40 °C. This is also where some of the world's first fossilised dinosaur eggs were found.

Tourists who want to explore the Gobi Desert should travel in Jeep cars with local drivers or by camel. They can admire a dramatic rocky landscape, high and dunes, and see some of the unique Gobi Desert animals such as the Jerboa, Snow Leopard, and Siberian Ibex. They should also visit **ancient** ruins and oasis communities, as well as meet the nomadic people whose ways of life remain untouched by Western influence.

However, the Gobi Desert is not without the threat. It is still growing at an alarming rate, causing the loss of valuable grassland. The Chinese government is currently planting the Green Wall of China, which is a line of forest, with the hope to slow down the expansion of the desert.

Question 31: What is the total area of The Gobi Desert?

- A. Over 1.29 million km²
- B. Nearly 1.29 million km²
- C. 1.29 million km²
- D. 1.39 million km²

Đáp án: C**Giải thích:** Dẫn chứng: “covering a total area of 1.29 million km².”**Question 32:** According to the passage, who should visitors meet when they visit the Gobi Desert?

- A. Nomadic people
B. Ancient families

- C. Western businessmen
D. Other visitors

Đáp án: A**Giải thích:** Dẫn chứng: “meet the nomadic people whose ways of life remain untouched by Western influence.”.**Question 33:** A problem with the Gobi Desert is _____.

- A. The untouched local lifestyle
B. Its alarming expansion

- C. the growing loss of animals
D. the slow growth of new forests.

Đáp án: B**Giải thích:** Dẫn chứng: “It is still growing at an alarming rate.”**Question 34:** The word **annual** in paragraph 1 is CLOSEST in meaning to _____.

- A. Everyday

- B. every year

- C. every month

- D. every week

Đáp án: B**Giải thích:** “Annual” (hàng năm) đồng nghĩa với “every year”.**Question 35:** Which of the following is NOT TRUE about the Gobi Desert?

- A. People discovered fossils of dinosaur eggs there.
B. Tourists should drive their Jeep cars across the Desert.
C. The landscape is rocky, with high sand dunes.
D. Camels are a good means of transportation there.

Đáp án: B**Giải thích:** Dẫn chứng: “travel in Jeep cars with local drivers or by camel.” Không khuyến khích tự lái Jeep.**Question 36:** The word **ancient** in paragraph 2 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. Traditional

- B. old-fashioned

- C. modern

- D. in the past

Đáp án: C**Giải thích:** “Ancient” (cổ đại) trái nghĩa với “modern” (hiện đại).**Tạm dịch bài đọc**

Sa mạc Gobi nằm ở cả Bắc Trung Quốc và Nam Mông Cổ, bao phủ tổng diện tích 1.29 triệu km². Tên “Gobi” trong tiếng Mông Cổ nghĩa là “nơi không nước”. Lượng mưa hàng năm khoảng 18 cm. Gobi có sự thay đổi nhiệt độ nhanh chóng, cả theo mùa và hàng ngày. Tháng hè mang nhiệt độ lên đến 50 độ, trong khi tháng đông nhiệt độ có thể giảm xuống dưới -40 độ. Đây cũng là nơi tìm thấy những quả trứng hóa thạch đầu tiên của khủng long trên thế giới. Du khách muốn khám phá Sa mạc Gobi nên đi bằng xe Jeep với tài xế địa phương hoặc bằng lạc đà. Họ có thể ngưỡng mộ cảnh quan đá ẩn tượng, các cồn cát cao, và xem một số động vật độc đáo của Sa mạc Gobi như Jerboa, Báo Tuyết, và Ibex Siberia. Họ cũng nên thăm các di tích cổ và cộng đồng ốc đảo, cũng như gặp gỡ người du mục mà lối sống của họ vẫn không bị ảnh hưởng bởi phương Tây. Tuy nhiên, Sa mạc Gobi không thiếu mối đe dọa. Nó vẫn đang mở rộng với tốc độ đáng báo

động, gây mất mát đồng cỏ quý giá. Chính phủ Trung Quốc hiện đang trồng “Bức tường Xanh Trung Quốc”, một dãy rừng, với hy vọng làm chậm sự mở rộng của sa mạc.

Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 37 to 40.

At 2,315 miles (3,726 kilometres), the Missouri River is nearly as long as the Mississippi River, into which it flows. Together the Missouri and the Mississippi form one of the world's longest river systems.

There are seven major dams and dozens of smaller dams on the Missouri. (37) _____. They also create reservoirs, or artificial lakes, behind them. The reservoirs store water that is needed for cities and for irrigation of crops. Irrigation is important because most of the regions around the river have a fairly dry climate.

In addition to producing electricity, the dams on the Missouri are also used to control the water level of the river. (38) _____. At other times, water is released to keep the water level high enough for barges to float downstream. By changing the natural flow of water in the Missouri, (39) _____. They have affected the depth and temperature of the water in different parts of the river. Such changes have made it difficult for some species, or types, of plants, animals, and fish to survive. A few wildlife species in the region are now endangered, (40) _____.

A - Sometimes water is held back to prevent floods

B - The dams use water from the river to produce electricity.

C - which needs much effort from the government to save them from extinction

D - dams and reservoirs have altered the river's ecosystem.

Question 37: **B**

Question 38: **A**

Question 39: **D**

Question 40: **C**

Câu 37.

Đáp án: B

Giải thích: Câu này giới thiệu chức năng của đập (sản xuất điện), phù hợp sau câu về số lượng đập.

Dịch: Các đập sử dụng nước từ sông để sản xuất điện.

Câu 38.

Đáp án: A

Giải thích: Câu này cụ thể hóa việc kiểm soát mực nước (giữ nước để tránh lũ), bổ sung cho chức năng kiểm soát.

Dịch: Đôi khi nước được giữ lại để ngăn lũ.

Câu 39.

Đáp án: D

Giải thích: Câu này nói về tác động tiêu cực của đập và hồ chứa, phù hợp với ngữ cảnh thay đổi dòng chảy.

Dịch: Đập và hồ chứa đã thay đổi môi trường sông.

Câu 40.

Đáp án: C

Giải thích: Câu này kết thúc phần, nhấn mạnh nhu cầu cứu các loài nguy cấp, liên kết với “endangered”.

Dịch: Điều này cần nhiều nỗ lực từ chính phủ để cứu chúng khỏi tuyệt chủng.

Tạm dịch bài đọc

Trong quá khứ, người Việt Nam từng gửi tin nhắn bằng cách viết thư. Họ sẽ cẩn thận bày tỏ suy nghĩ trên giấy, đặt thư vào phong bì và gửi qua bưu điện. Viết thư là quá trình mất thời gian và kiên nhẫn, nhưng nó được đánh giá cao vì sự chạm cá nhân mà nó mang lại. Ngày nay, mọi thứ đã thay đổi mạnh mẽ. Các công cụ mới như email và tin nhắn tức thì đã trở thành phần quan trọng trong giao tiếp hàng ngày của chúng ta. Chúng mang lại tốc độ và tiện lợi, cho phép mọi người giao tiếp thời gian thực, bất kể ranh giới địa lý. Tuy nhiên, một số truyền thống chưa thay đổi hoàn toàn. Một số người vẫn thích viết thư tay. Họ nghĩ rằng thư tay đặc biệt vì chúng thể hiện cảm xúc của người viết, làm cho giao tiếp cá nhân và chân thành hơn. Tóm lại, mặc dù công nghệ đã cách mạng hóa cách chúng ta giao tiếp, truyền thống viết thư vẫn giữ vị trí đặc biệt trong văn hóa Việt Nam. Mọi người vẫn tìm thấy điều gì đó đặc biệt trong việc đặt suy nghĩ lên giấy và gửi chúng cho người khác và nó tạo ra sự kết nối cá nhân mà chúng ta không thể làm với giao tiếp kỹ thuật số.

UNIT 7. NATURAL WONDERS OF THE WORLD

TEST 02

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

Question 1: A. measure B. sustainable **C. structure** D. support

Đáp án: C

Giải thích:

A. measure /'meɜ:.ə/

B. sustainable /sə'steɪ.nə.bəl/

C. structure /'strʌk.tʃə/

D. support /sə'pɔ:t/

Question 2: A. geological B. imagine C. agency **D. together**

Đáp án: D

Giải thích:

A. geological /ˌdʒi:ə'lɒdʒ.ɪ.kəl/

B. imagine /ɪ'mædʒ.ɪn/

C. agency /'eɪ.dʒən.si/

D. together /tə'geð.ər/

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

Question 3: A. contest B. courage **C. diverse** D. setting

Đáp án: D

Giải thích:

A. contest /'kɒn.test/ (trọng âm âm tiết 1)

B. courage /'kʌr.ɪdʒ/ (trọng âm âm tiết 1)

C. diverse /daɪ'vɜ:s/ (trọng âm âm tiết 2)

D. setting /'set.ɪŋ/ (trọng âm âm tiết 1)

Question 4: A. paradise B. natural C. tropical **D. location**

Đáp án: D

Giải thích:

A. paradise /'pær.ə.daɪs/ (trọng âm âm tiết 1)

B. natural /'nætʃ.ər.əl/ (trọng âm âm tiết 1)

C. tropical /'trɒp.ɪ.kəl/ (trọng âm âm tiết 1)

D. location /ləʊ'keɪ.ʃən/ (trọng âm âm tiết 2)

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 5: The best sightings of the northern lights often _____ between 11pm and midnight.

A. Locate

B. occur

C. measure

D. host

Đáp án: B

Giải thích: “Occur” (xảy ra) phù hợp với hiện tượng cực quang.

Dịch: Những lần quan sát cực quang tốt nhất thường xảy ra giữa 11 giờ tối và nửa đêm.

Question 6: Tourists couldn't _____ admiring the magnificent view of the Victoria Falls.

A. Think

B. encourage

C. help

D. permit

Đáp án: C

Giải thích: “Couldn't help admiring” (không thể không ngưỡng mộ) là cấu trúc cố định.

Dịch: Du khách không thể không ngưỡng mộ tầm nhìn hùng vĩ của thác Victoria.

Question 7: The _____ is dotted with the tents of campers and hikers.

A. Landscape

B. picture

C. scene

D. position

Đáp án: A

Giải thích: “Landscape” (cảnh quan) phù hợp với ngữ cảnh lều trại và người đi bộ.

Dịch: Cảnh quan được điểm xuyết bởi lều của người cắm trại và đi bộ.

Question 8: The villagers are very eager to _____ their own customs and languages.

A. Give away

B. reserve

C. permit

D. discover

Đáp án: B

Giải thích: “Reserve” (giữ gìn) phù hợp với việc bảo tồn phong tục và ngôn ngữ.

Dịch: Dân làng rất mong muốn giữ gìn phong tục và ngôn ngữ của mình.

Question 9: Our school is _____ at 31 Ngo Quyen Street, HaNoi.

A. Location

B. locate

C. located

D. locating

Đáp án: C

Giải thích: “Is located” (nằm tại) là dạng bị động đúng.

Dịch: Trường chúng tôi nằm tại 31 phố Ngô Quyền, Hà Nội.

Question 10: The national park boasted an incredible _____ of animals, including elephants, lions, giraffes, and countless other fascinating species.

A. Diversify

B. diversity

C. diversifying

D. diverse

Đáp án: B

Giải thích: “Diversity” (đa dạng) là danh từ phù hợp sau “an incredible”.

Dịch: Công viên quốc gia tự hào về sự đa dạng động vật tuyệt vời...

Question 11: The teacher asked Susan whether she _____ to visit Ha Long Bay.

A. Wanting

B. wants

C. wanted

D. want

Đáp án: C**Giải thích:** Câu hỏi gián tiếp dùng thì quá khứ “wanted”.**Dịch:** Giáo viên hỏi Susan liệu cô ấy có muốn thăm Vịnh Ha Long không.**Question 12:** Lilly: “May I submit my project after the deadline, Miss?” – **Teacher:** “_____”

A. That’s a great idea

C. Yes, go ahead

B. I’m afraid you can not

D. No thanks

Đáp án: B**Giải thích:** “I’m afraid you can not” (Tôi e là không) là phản hồi từ chối lịch sự.**Dịch:**

Lilly: Em có thể nộp dự án sau hạn chót không, cô?

Giáo viên: Tôi e là không.

Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 13 to 16.

DISCOVER THE BEAUTY OF HA LONG BAY!

Ha Long Bay is a UNESCO World Heritage Site and one of the most stunning natural wonders in the world. Located (13) _____ Quang Ninh Province, Vietnam, this breathtaking bay is known for its emerald waters and towering limestone islands.

What you’ll see:

- **Majestic Limestone:** Explore the unique rock formations rising dramatically from the water.
- **Floating Villages:** Witness traditional villages where (14) _____ people live on the water.
- **Caves:** Discover hidden caves like Sung Sot (Surprise) Cave and Thien Cung (Heavenly Palace) Cave.

Visit Ha Long Bay and step into a world of (15) _____ beauty, surrounded by one of nature’s (16) _____ extraordinary creations!

Question 13: A. in

B. on

C. on

D. at

Đáp án: A**Giải thích:** Giới từ “in” dùng với tỉnh (Quang Ninh Province).**Dịch:** Nằm ở tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam...**Question 14:** A. the

B. a

C. an

D. X

Đáp án: D**Giải thích:** “Local people” (người dân địa phương) không cần mạo từ.**Dịch:** ...nơi người dân địa phương sống trên nước.**Question 15:** A. majestic

B. enormous

C. exciting

D. interesting

Đáp án: A**Giải thích:** “Majestic” (hùng vĩ) phù hợp với vẻ đẹp của Vịnh Ha Long.**Dịch:** ...bước vào thế giới của vẻ đẹp hùng vĩ...

Question 16: A. greater

B. greatest

C. great

D. most greating

Đáp án: B**Giải thích:** “Greatest” (vĩ đại nhất) là dạng siêu cấp, phù hợp với “one of nature’s _____ extraordinary creations”.**Dịch:** ...được bao quanh bởi một trong những sáng tạo vĩ đại nhất của thiên nhiên!**Tạm dịch bài đọc****KHÁM PHÁ VẺ ĐẸP CỦA VỊNH HA LONG!**

Vịnh Ha Long là Di sản Thế giới UNESCO và một trong những kỳ quan tự nhiên tuyệt đẹp nhất thế giới. Nằm ở tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam, vịnh tuyệt đẹp này nổi tiếng với nước xanh ngọc và các đảo đá vôi sừng sững.

Những gì bạn sẽ thấy:

- Đá vôi hùng vĩ: Khám phá các hình thành đá độc đáo mọc lên ấn tượng từ nước.
- Làng Nổi: Chứng kiến các làng truyền thống nơi người dân địa phương sống trên nước.
- Hang động: Khám phá các hang động ẩn như Hang Sừng Sốt (Hang Bất Ngờ) và Hang Thiên Cung (Cung Điện Thiên Đường).

Hãy thăm Vịnh Ha Long và bước vào thế giới của vẻ đẹp hùng vĩ, được bao quanh bởi một trong những sáng tạo tuyệt vời nhất của thiên nhiên!

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions 17.

- Next, you'll visit the floating villages where locals live and work on the water.
- Then, prepare to be amazed by stunning caves like Sung Sot and Thien Cung.
- First, we'll explore the limestone karsts towering above the emerald green waters.
- Additionally, enjoy the peaceful scenery as you sail through this UNESCO World Heritage Site.

A. a-b-c-d

B. c-a-b-d

C. c-b-a-d

D. b-c-a-d

Đáp án: B.**Giải thích:**

- Thì tương lai đơn “we'll explore” diễn tả kế hoạch. “First” chỉ ý mở đầu.
- Câu mệnh lệnh “prepare to be amazed”. “Then” chỉ ý tiếp theo.
- Thì tương lai đơn “you'll visit”. “Next” chỉ ý tiếp theo.
- Câu mệnh lệnh “enjoy”. “Additionally” bổ sung ý.

Dịch: Đầu tiên, chúng tôi sẽ khám phá các karsts đá vôi sừng sững trên mặt nước xanh ngọc. Sau đó, chuẩn bị để kinh ngạc trước các hang động tuyệt đẹp như Sừng Sốt và Thiên Cung. Tiếp theo, bạn sẽ thăm các làng

nổi nơi người dân sống và làm việc trên nước. Ngoài ra, hãy tận hưởng cảnh quan yên bình khi bạn đi thuyền qua Di sản Thế giới UNESCO này.

Question 18. Choose the sentence that most appropriately ends the text (in question 17)

- A. Finally, don't miss this once-in-a-lifetime opportunity to experience Ha Long Bay!
 B. Finally, all it takes is \$150 to enjoy this unforgettable adventure.
 C. Last but not least, you will surely love visiting this historical place.
 D. Lastly, Ha Long Bay is great for people who like to shop and party.

Đáp án: A

Giải thích: Câu A kêu gọi hành động tích cực, phù hợp làm câu kết thúc đoạn văn về Ha Long Bay. Các câu khác có lỗi ngữ pháp hoặc không hợp.

Dịch: Cuối cùng, đừng bỏ lỡ cơ hội một lần trong đời để trải nghiệm Vịnh Ha Long!

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each numbered blank from 19 to 24.

Mount Everest (Mt. Everest) is the highest mountain (19) _____ the world. It is 8,843 metres high. Mt. Everest was first climbed in 1953 by Edmund Hillary and Tenzing Norgay. Every year, a lot of people want to climb Mt. Everest.

It is very dangerous to climb Mt. Everest. The air is very (20) _____ and cold. Most people carry bottles of oxygen; they could die without it. When the oxygen bottles are empty, people throw them on the ground. (21) _____ strong winds rip their tents, people leave them behind. They don't have the energy to take the rubbish away. They only have enough energy to go down the mountain (22) _____.

Rubbish is a terrible problem. Since people first began to climb Mt. Everest, they have left tons and tons of rubbish on the mountain. Several groups have climbed the mountain just to (23) _____ the rubbish. When people plan to climb the mountain, they have to plan to (24) _____ their rubbish.

Question 19: A. on **B. in** C. for D. to

Đáp án: B

Giải thích: "In the world" (trên thế giới) là cụm cố định.

Dịch: Núi Everest là ngọn núi cao nhất thế giới.

Question 20: A. light B. thick C. pleasant **D. thin**

Đáp án: D

Giải thích: "Thin" (loãng) phù hợp với không khí trên núi cao.

Dịch: Không khí rất loãng và lạnh.

Question 21: A. Unless B. Until **C. When** D. Before

Đáp án: C

Giải thích: "When" (khi) phù hợp để diễn tả tình huống gió mạnh xé lều.

Dịch: Khi gió mạnh xé lều, mọi người bỏ lại chúng.

Question 22: A. simply B. carefully **C. safely** D. Freely

Đáp án: C

Giải thích: "Safely" (an toàn) phù hợp với việc xuống núi.

Dịch: Họ chỉ có đủ năng lượng để xuống núi an toàn.

Question 23: A. get out B. pick up C. take off D. turn down

Đáp án: B

Giải thích: “Pick up” (thu gom) phù hợp với việc dọn rác.

Dịch: Một số nhóm leo núi chỉ để thu gom rác.

Question 24: A. take away B. take on C. take off D. take in

Đáp án: A

Giải thích: “Take away” (mang đi) phù hợp với việc dọn rác.

Dịch: Họ phải lập kế hoạch mang rác của mình đi.

Tạm dịch bài đọc

Núi Everest (Mt. Everest) là ngọn núi cao nhất trên thế giới. Nó cao 8.843 mét. Mt. Everest được leo lần đầu tiên năm 1953 bởi Edmund Hillary và Tenzing Norgay. Mỗi năm, rất nhiều người muốn leo Mt. Everest. Leo Mt. Everest rất nguy hiểm. Không khí rất loãng và lạnh. Hầu hết mọi người mang bình oxy; họ có thể chết nếu không có nó. Khi bình oxy hết, mọi người vút xuống trên mặt đất. Khi gió mạnh xé lẻu, mọi người bỏ lại chúng. Mọi người không có năng lượng để mang rác đi. Họ chỉ có đủ năng lượng để xuống núi an toàn. Rác là vấn đề tệ hại. Kể từ khi mọi người bắt đầu leo Mt. Everest, họ đã để lại hàng tấn rác trên núi. Một số nhóm leo núi chỉ để thu gom rác. Khi mọi người lập kế hoạch leo núi, họ phải lập kế hoạch mang đi rác của mình.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

Question 25: Trang An Landscape Complex received the title UNESCO World Heritage Site in 2014.

- A. UNESCO named Trang An Landscape Complex a World Heritage Site in 2014.
- B. In 2014, UNESCO refused to recognise Trang An Landscape Complex a Heritage Site.
- C. Trang An Landscape Complex was a World Heritage Site before 2014.
- D. It was not until 2014 that Trang An named a World Heritage Site.

Đáp án: A

Giải thích: “Received the title” tương đương với “named... a World Heritage Site”.

Dịch: UNESCO đã đặt tên cho Khu phức hợp Cảnh quan Trang An là Di sản Thế giới vào năm 2014.

Question 26: If you are passionate about Vietnamese culture and history, you can not miss Hoa Lu Ancient Capital.

- A. A passionate person on Vietnamese culture and history will not go to Hoa Lu Ancient Capital.
- B. Hoa Lu Ancient Capital has a very long history
- C. Books about Vietnamese culture and history can be found in Hoa Lu Ancient Capital
- D. Hoa Lu Ancient Capital is a must-go for those hoping to learn about Vietnamese culture and history.

Đáp án: D

Giải thích: “Can not miss” (không thể bỏ lỡ) tương đương với “a must-go” (nơi phải đến).

Dịch: Hoa Lu Cổ Đô là nơi phải đến đối với những ai mong muốn học về văn hóa và lịch sử Việt Nam.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

Question 27: clown/ look/ funny/ can't help/ burst out/ laugh/.

- A. The clown looks very funny, so we can't help burst out laughing.
- B. Clowns looked so funny, and we can't help burst out laughing.
- C. The clown looked funny, and we couldn't help bursting out laughing
- D. A clown looks so funny that we can't help to burst out laughing.

Đáp án: C

Giải thích: Cấu trúc “couldn't help + V-ing” (không thể không) đúng. Thì quá khứ đơn “looked” phù hợp.

Dịch: Chú hề trông rất hài hước, và chúng tôi không thể không bật cười.

Question 28: guard/ not permit/ enter/ cave/ without/ tour guide/.

- A. A guard does not permit you to enter the cave without a tour guide.
- B. The guard does not permit you enter the cave without a tour guide.
- C. The guard did not permit you entering the cave without a tour guide.
- D. The guard will not permit you to enter the cave without a tour guide.

Đáp án: D

Giải thích: “Will not permit + to V” diễn tả quy định tương lai. “The guard” là chủ ngữ hợp lý.

Dịch: Người bảo vệ sẽ không cho phép bạn vào hang mà không có hướng dẫn viên du lịch.

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 29: Look at the sign. Choose the best answer for its meaning.



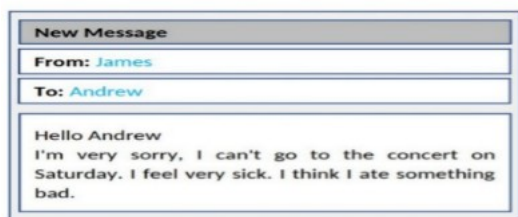
- A. Today you can buy apples at a cheaper price before 6 p.m.
- B. You can't buy any apples before 6 p.m.
- C. You can buy cheaper apples after 6 p.m.
- D. You can only buy apples today.

Đáp án: A

Giải thích: Thông báo siêu thị giảm giá trong ngày hôm nay, 5 quả táo chỉ với 2 đô kết thúc vào 6 giờ tối, tương đương với sẽ được mua táo với giá rẻ hơn trước 6 giờ tối

Dịch: Hôm nay bạn có thể mua táo với giá rẻ hơn trước 6 giờ tối.

Question 30: What is the main reason James cannot attend the concert?



- A. He lost his ticket
- B. He doesn't like the music
- C. He is feeling unwell
- D. He has another commitment

Đáp án: C

Giải thích: Thông báo thường nói lý do không tham gia (cảm thấy ốm).

Dịch: Lý do chính James không thể tham gia buổi hòa nhạc là anh ấy cảm thấy không khỏe.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 31 to 36.

After only 50 minutes flying from Ho Chi Minh City, you will set foot on the tropical paradise of Vietnam and the world: Phu Quoc Island.

The island has a roughly triangular shape with a north-south length of 50km and a west-east width of 25km. A great part of the terrain is filled with beautiful sandy beaches, but there is a mountainous region with 99 peaks, among which the Peak of Chua Mountain is the tallest one at 603 meters. Due to Phu Quoc's location in the Gulf of Thailand, its climate is sub-equatorial with a temperate weather all year round, making trips to Phu Quoc possible any time in the year. However, the best time to travel to this island is during the dry season, from November until March, when the sky is blue and clear and the rains are away.

Phu Quoc is most famous for its cuisines and a natural **wonderful** coastline. The most famous food of Phu Quoc is fish sauce, which has become quite popular all over Vietnam and the world. Besides, another thing worth trying there is the spicy yet interesting black pepper. However, the factor that will definitely **intrigue** you to visit Phu Quoc is its untouched coastline featuring several heavenly beaches. They have yet to be explored to their full ability, but this fact might be actually positive as it gives the shores a romantic beauty that you can find in nowhere else in the world.

Question 31: What is the main idea of the passage?

- A. The sub-equatorial climate of Phu Quoc Island
- B. When is the best time to travel to Phu Quoc Island.
- C. Phu Quoc is most famous for its cuisines and a natural wonderful coastline.
- D. Some appealing attractions of Phu Quoc Island.**

Đáp án: D

Giải thích: Đoạn văn mô tả hình dạng, khí hậu, ẩm thực và bãi biển của đảo Phú Quốc, nên chủ đề là các điểm hấp dẫn.

Dịch: Ý chính là một số điểm hấp dẫn của đảo Phú Quốc.

Question 32: The word **intrigue** in paragraph 3 is CLOSEST in meaning to _____.

- A. Attract**
- B. promote
- C. inspire
- D. pay attention to

Đáp án: A

Giải thích: “Intrigue” (thu hút) đồng nghĩa với “attract”.

Dịch: Từ “intrigue” gần nghĩa với “attract”.

Question 33: According to the passage, Phu Quoc Island _____.

- A. Has both beaches and mountains**
- B. doesn't have many tourist attractions
- C. has the tallest mountain in Vietnam
- D. doesn't have rains all the year round

Đáp án: A

Giải thích: Dẫn chứng: “filled with beautiful sandy beaches... mountainous region with 99 peaks”.

Dịch: Đảo Phú Quốc có cả bãi biển và núi.

Question 34: Tourists can visit Phu Quoc anytime in the year thanks to _____.

- A. its location by the sea
 - B. its friendly local people
 - C. its temperate climate**
 - D. its dry season
-

Đáp án: C**Giải thích:** Dẫn chứng: “its climate is sub-equatorial with a temperate weather all year round”.**Dịch:** Du khách có thể thăm Phú Quốc bất cứ lúc nào nhờ khí hậu ôn hòa quanh năm.**Question 35:** Which of the following statements is NOT true?

- A. Phu Quoc Island is located in the Gulf of Thailand.
- B. The beaches in Phu Quoc Island have been explored to their full potentials
- C. Phu Quoc’s dry season begins from November and lasts through March.
- D. The island is roughly triangular in shape.

Đáp án: B**Giải thích:** Dẫn chứng: “They have yet to be explored to their full ability.” Câu B sai vì bãi biển chưa được khám phá hết tiềm năng.**Dịch:** Các bãi biển ở đảo Phú Quốc đã được khám phá hết tiềm năng là không đúng.**Question 36:** The word **wonderful** in paragraph 2 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. magnificent
- B. breathtaking
- C. fantastic
- D. awful

Đáp án: D**Giải thích:** “Wonderful” (tuyệt vời) trái nghĩa với “awful” (tệ hại).**Dịch:** Từ “wonderful” trái nghĩa với “awful”.**Tạm dịch bài đọc**

Sau chỉ 50 phút bay từ Thành phố Hồ Chí Minh, bạn sẽ đặt chân lên thiên đường nhiệt đới của Việt Nam và thế giới: đảo Phú Quốc. Đảo có hình dạng gần như tam giác với chiều dài bắc-nam 50km và chiều rộng đông-tây 25km. Phần lớn địa hình được lấp đầy bởi các bãi biển cát đẹp, nhưng có một vùng núi với 99 đỉnh, trong đó đỉnh Chùa là cao nhất ở 603 mét. Do vị trí của Phú Quốc trong Vịnh Thái Lan, khí hậu của nó là cận xích đạo với thời tiết ôn hòa quanh năm, khiến chuyến đi đến Phú Quốc có thể diễn ra bất cứ lúc nào trong năm. Tuy nhiên, thời gian tốt nhất để du lịch đến đảo này là trong mùa khô, từ tháng 11 đến tháng 3, khi trời xanh trong và mưa tránh xa. Phú Quốc nổi tiếng nhất với ẩm thực và bờ biển tuyệt vời tự nhiên. Món ăn nổi tiếng nhất của Phú Quốc là nước mắm, đã trở nên phổ biến khắp Việt Nam và thế giới. Ngoài ra, một thứ đáng thử khác là tiêu đen cay nhưng thú vị. Tuy nhiên, yếu tố chắc chắn sẽ thu hút bạn đến Phú Quốc là bờ biển chưa bị khai thác với nhiều bãi biển thiên đường. Chúng chưa được khám phá hết tiềm năng, nhưng thực tế này có thể tích cực vì nó mang lại cho bờ biển vẻ đẹp lãng mạn mà bạn không thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào khác trên thế giới.

Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 37 to 40.

In the past, Vietnamese people used to send messages by writing letters. They would carefully express their thoughts on paper, (37) _____. Writing letters was a process that took time and patience, but it was deeply appreciated because of the personal touch it offered.

Nowadays, things have changed dramatically. New tools like emails and instant messages (38) _____. They offer speed and convenience, allowing people to communicating in real time, irrespective of geographical boundaries.

However, some traditions haven't changed completely. Some (39) _____. They think that handwritten letters are special because they should the writer's feelings, making the communication more personal and sincere.

In summary, eventhough technology has revolutionised the way we communicate, the tradition of writing letters holds a special in Vietnamese culture. People still find something special in putting their thoughts on paper and sending them to others and (40) _____.

- A. Put the letters in envelopes, and send them through the postal service.
- B. Have become an important part of our daily communication
- C. People still enjoy writing letters by hand
- D. It creates a personal connection that we cannot do with digital communication

Question 37. **A**

Question 38. **B**

Question 39. **C**

Question 40. **D**

Câu 37

Đáp án: A

Giải thích: Câu này mô tả quá trình gửi thư trong quá khứ, phù hợp sau “express their thoughts on paper”.

Dịch: Đặt thư vào phong bì và gửi qua bưu điện.

Câu 38.

Đáp án: B

Giải thích: Câu này nói về công cụ hiện đại (email, tin nhắn), phù hợp với “new tools”.

Dịch: Đã trở thành phần quan trọng trong giao tiếp hàng ngày của chúng ta.

Câu 39.

Đáp án: C

Giải thích: Câu này nói về việc giữ gìn truyền thống, phù hợp với “some traditions haven't changed completely”.

Dịch: Một số người vẫn thích viết thư tay.

Câu 40.

Đáp án: D

Giải thích: Câu này kết luận về sự kết nối cá nhân của thư tay, phù hợp làm câu chốt.

Dịch: Nó tạo ra sự kết nối cá nhân mà chúng ta không thể làm với giao tiếp kỹ thuật số.

Tạm dịch bài đọc

Trong quá khứ, người Việt Nam từng gửi tin nhắn bằng cách viết thư. Họ sẽ cẩn thận bày tỏ suy nghĩ trên giấy, đặt thư vào phong bì và gửi qua bưu điện. Viết thư là quá trình mất thời gian và kiên nhẫn, nhưng nó được đánh giá cao vì sự chạm cá nhân mà nó mang lại. Ngày nay, mọi thứ đã thay đổi mạnh mẽ. Các công cụ mới như email và tin nhắn tức thì đã trở thành phần quan trọng trong giao tiếp hàng ngày của chúng ta. Chúng mang lại tốc độ và tiện lợi, cho phép mọi người giao tiếp thời gian thực, bất kể ranh giới địa lý. Tuy nhiên, một số truyền thống chưa thay đổi hoàn toàn. Một số người vẫn thích viết thư tay. Họ nghĩ rằng thư tay đặc biệt vì chúng thể hiện cảm xúc của người viết, làm cho giao tiếp cá nhân và chân thành hơn. Tóm lại, mặc dù công nghệ đã cách mạng hóa cách chúng ta giao tiếp, truyền thống viết thư vẫn giữ vị trí đặc biệt trong văn hóa Việt Nam. Mọi người vẫn tìm thấy điều gì đó đặc biệt trong việc đặt suy nghĩ lên giấy và gửi chúng cho người khác và nó tạo ra sự kết nối cá nhân mà chúng ta không thể làm với giao tiếp kỹ thuật số.

